

Số: **14825**/TB-CHQ

Hà Nội, ngày **03** tháng **4** năm **2026**

THÔNG BÁO
Về kết quả xác định trước mã số

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, kiểm soát hải quan, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 và Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa, phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xác định trước mã số, Đơn đề nghị số 1612/2025/XĐHS ngày 16/12/2025 và công văn số 01/ACC-2026 ngày 26/02/2026, số 02/ACC-2026 ngày 19/3/2026 của Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu, mã số thuế: 0304918352;

Cục Hải quan thông báo kết quả xác định trước mã số như sau:

1. Hàng hóa đề nghị xác định trước mã số do tổ chức, cá nhân cung cấp:

Tên thương mại: Nipacide BIT 20 Plus

Tên gọi theo cấu tạo, công dụng: Chế phẩm diệt khuẩn, khử trùng, có chứa thành phần 1,2-benzisothiazoline-3-one được sử dụng làm chất bảo quản trong sản xuất nước giặt, xả vải, đóng gói 25.00 kg/thùng, dạng lỏng, không đóng gói dạng bình xịt.

Ký, mã hiệu, chủng loại: Không	Nhà sản xuất: PT Clariant Indonesia
-----------------------------------	--

2. Tóm tắt mô tả hàng hóa được xác định trước mã số: Theo hồ sơ xác định trước mã số, thông tin mặt hàng như sau:

- Thành phần, cấu tạo, công thức hóa học, hàm lượng tính trên trọng lượng:

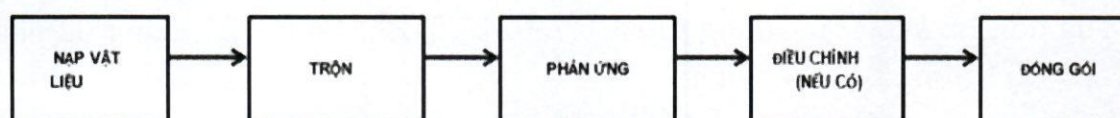
Component	CAS No.	Content (%)
Propylene Glycol	57-55-6	30.0-50.0
Glycerine	56-81-5	10.0-30.0
Water	7732-18-5	10.0-30.0
1,2-Benzisothiazol-3(2H)-one	2634-33-5	10.0-25.0
Sodium hydroxide	1310-73-2	5.0-10.0
Total		100.00

- Cơ chế hoạt động, cách thức sử dụng: là tác nhân phá hủy ngăn không cho hoạt động trở lại của các vi khuẩn không mong muốn

- Thông số kỹ thuật:

Assay Nipacide BIT	19.0-21.0
CCTC0107	
Density (20°C)	
CCTC0003	1.1000-1.2400
pH 10%	10.0-13.5
DCTC0005	

- Quy trình sản xuất:



- Công dụng theo thiết kế: Nguyên liệu có chức năng kháng khuẩn, sử dụng để ổn định và bảo vệ sản phẩm (nước giặt, nước xả vải...) trong quá trình sản xuất và lưu kho.

3. Kết quả xác định trước mã số: Theo thông tin trên Đơn đề nghị xác định trước mã số, thông tin tại tài liệu đính kèm hồ sơ, mặt hàng như sau:

Tên thương mại: Nipacide BIT 20 Plus

Tên gọi theo cấu tạo, công dụng: Chế phẩm diệt khuẩn, khử trùng, có chứa thành phần 1,2-benzisothiazoline-3-one được sử dụng làm chất bảo quản trong sản xuất nước giặt, xả vải, đóng gói 25.00 kg/thùng, dạng lỏng, không đóng gói dạng bình xịt.

- Thành phần, cấu tạo, công thức hóa học, hàm lượng tính trên trọng lượng:

Component	CAS No.	Content (%)
Propylene Glycol	57-55-6	30.0-50.0
Glycerine	56-81-5	10.0-30.0
Water	7732-18-5	10.0-30.0

1,2-Benzisothiazol-3(2H)-one	2634-33-5	10.0-25.0
Sodium hydroxide	1310-73-2	5.0-10.0
Total		100.00
- Cơ chế hoạt động, cách thức sử dụng: là tác nhân phá hủy ngăn không cho hoạt động trở lại của các vi khuẩn không mong muốn		
- Thông số kỹ thuật:		
Assay Nipacide BIT	19.0-21.0	
CCTC0107		
Density (20°C)		
CCTC0003	1.1000-1.2400	
pH 10%	10.0-13.5	
DCTC0005		
- Công dụng theo thiết kế: Nguyên liệu có chức năng kháng khuẩn, sử dụng để ổn định và bảo vệ sản phẩm (nước giặt, nước xả vải...) trong quá trình sản xuất và lưu kho.		
Ký, mã hiệu, chủng loại:		Nhà sản xuất:
Không		PT Clariant Indonesia

thuộc nhóm **38.08** “Thuốc trừ côn trùng, thuốc diệt loài gặm nhấm, thuốc trừ nấm, thuốc diệt cỏ, thuốc chống nảy mầm và thuốc điều hòa sinh trưởng cây trồng, thuốc khử trùng và các sản phẩm tương tự, được làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ hoặc như các chế phẩm hoặc sản phẩm (ví dụ, băng, bác và nền đã xử lý lưu huỳnh và giấy tẩy ruồi)”, phân nhóm “- Loại khác”, phân nhóm **3808.94** “- - Thuốc khử trùng”, mã số **3808.94.90** “- - - Loại khác” tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

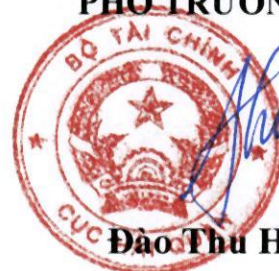
Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Cục trưởng Cục Hải quan thông báo để Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu biết và thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu (Lô K4B, KCN Lê Minh Xuân, đường số 4, xã Bình Lợi, TP.Hồ Chí Minh);
- PCT. Nguyễn Thành Hưng (để báo cáo);
- Các Chi cục hải quan khu vực (để thực hiện);
- Chi cục Kiểm định hải quan;
- Cổng thông tin điện tử Hải quan (Văn phòng);
- Lưu: VT, NVTHQ-PL-Na (3b). 

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG BAN NGHIỆP VỤ THUẾ HQ
PHÓ TRƯỞNG BAN



Đào Thu Hương

* Ghi chú: Kết quả xác định trước mã số trên chỉ có giá trị sử dụng đối với tổ chức, cá nhân đã gửi đề nghị xác định trước mã số.